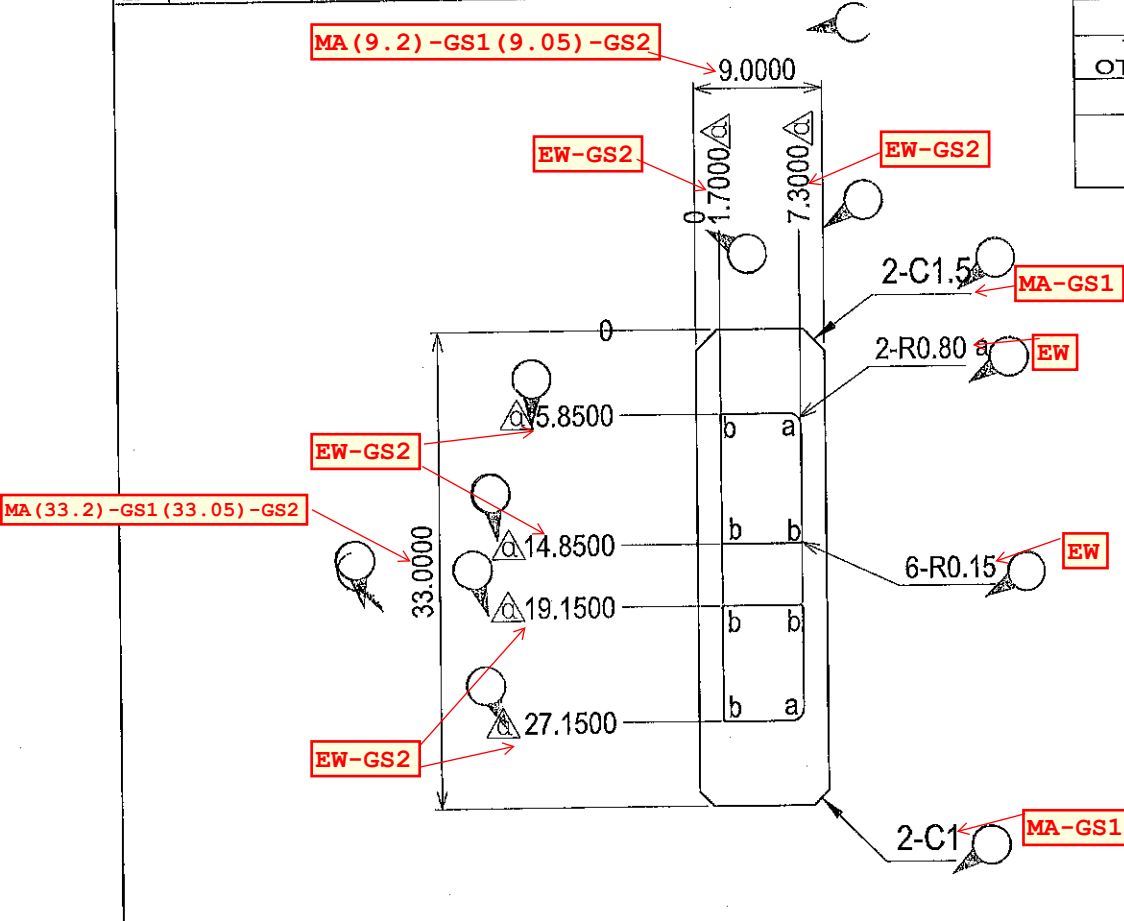


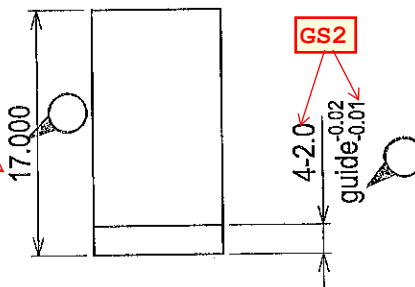
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2018/10/18	新規設計		Li_Xin_Xin	Li_Xin_Xin	Cai_Wei_Feng	0.0000	± 0.002	0.000 ⁺⁰	⁺⁰ -0.005
a	2018/12/19	制品积层力不够对应,部品材质也变更		Li_Xin_Xin	Li_Xin_Xin	Cai_Wei_Feng	0.000	± 0.005	0.000 ⁻⁰	^{+0.005} -0
△							0.00	± 0.01	0.00 ⁺⁰	⁺⁰ -0.01
△							0.0	± 0.1	0.00 ⁻⁰	^{+0.01} -0
△							0.	± 0.2	0.0 ⁺⁰	⁺⁰ -0.1
									0.0 ⁻⁰	^{+0.1} -0

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED

FINISH MARKS

G WE
▽▽▽ (▽▽▽)

MA (17.2) -GS1 (17.05) -GS2



10
30
1
30
20
90
90

CHKD.	MATERIAL	SCALE	TITLE	PARTS NAME
Cai_Wei_Feng	SKD11	1:1	部品図	ダイ
DSGND.	SURFACE	SIZE	PART DRAWING	DIE
Li_Xin_Xin		A4	PART DRAWING	下模
DWN.	QUENCH&TEMPER	DATE	PART DRAWING	下模
Li_Xin_Xin	HRC 60 ~ 62	2018/10/16		DWG.No.
				R181800

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

414 210 0099

T13+27+43

SNO: **R181800**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11 T13*22*38	AA:20 MA:30 HT:40 GS1:40 ED:30 EW:90 GS2:90 KT